

*

Số 247 -QĐ/QU

QUYẾT ĐỊNH

về việc ban hành Quy tắc ứng xử khi sử dụng mạng xã hội của cán bộ,
đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên,
chiến sỹ lực lượng vũ trang tại Quận 3

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ;
- Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Bộ Chính trị (khóa XII) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng;
- Thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Bộ Chính trị (khóa XII) về chiến lược An ninh mạng Quốc gia;
- Thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới;
- Căn cứ Luật An ninh mạng năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Thực hiện Đề án số 05-ĐA/TU ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Ban Thường vụ Thành ủy về tuyên truyền, lan tỏa thông tin tích cực, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên internet, mạng xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Quận ủy Quận 3 khóa XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025;
- Xét đề nghị của Trưởng Ban Tuyên giáo Quận ủy,

BAN THƯỜNG VỤ QUẬN ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bộ Quy tắc ứng xử khi sử dụng mạng xã hội của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, chiến sỹ lực lượng vũ trang tại Quận 3.

Điều 2. Văn phòng Quận ủy, Ban Tuyên giáo Quận ủy, các cơ quan liên quan và toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, chiến sỹ lực lượng vũ trang tại Quận 3 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2,
- Ban Chi đạo 35 Thành ủy,
- BTVQU,
- Thành viên BCD 35 Quận 3,
- Các ban XDD, VP Quận ủy,
- Cấp ủy cơ sở Đảng,
- Lưu.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC


Nguyễn Thành Nam

QUY TẮC ỨNG XỬ KHI SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI

Của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên,

chiến sỹ lực lượng vũ trang tại Quận 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 247/QĐ/QU, ngày 01/3/2021 của Quận ủy)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy tắc này quy định các chuẩn mực giao tiếp, ứng xử của tổ chức và cá nhân cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang người lao động và vận động, khuyến khích nhân dân Quận 3 thực hiện khi sử dụng mạng xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy tắc này áp dụng đối với:

a) Các cơ quan, địa phương, đơn vị, tổ chức thuộc hệ thống chính trị quận 3; các doanh nghiệp trực thuộc sự quản lý của Ủy ban nhân dân quận 3 và có tổ chức Đảng trực thuộc quận ủy.

b) Cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang và người lao động tại các cơ quan, địa phương, đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp tại điểm a, khoản 1 Điều này.

c) Cá nhân đảng viên, đoàn viên, hội viên các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị quận 3.

2. Vận động, khuyến khích áp dụng đối với các tầng lớp nhân dân; các cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã nghỉ hưu hoặc thôi tham gia công tác tại các cơ quan, địa phương, đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp quận 3.

Điều 3. Mục đích

1. Bảo vệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý sử dụng mạng xã hội của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, chiến sỹ lực lượng vũ trang, người lao động; kết hợp với nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi tổ chức, cá nhân và mỗi người dân khi tham gia môi trường mạng xã hội.

3. Bảo đảm văn hóa, văn minh, chuẩn mực trong ứng xử khi sử dụng mạng xã hội theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức mà mình là thành viên.

4. Bảo đảm việc công khai quy tắc ứng xử của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang và người lao động của cơ quan, đơn vị để nhân dân giám sát.

5. Là cơ sở để cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang và người lao động tu dưỡng, rèn luyện bản thân; nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; phòng, chống những thông tin xấu, độc, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và các biểu hiện tiêu cực khác.

6. Là cơ sở để thực hiện việc giám sát, đánh giá về đạo đức, ứng xử của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang và người lao động khi tham gia mạng xã hội và là một trong những căn cứ để cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc đánh giá, xếp loại hàng năm, khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật, quy định của Đảng, của tổ chức và của cơ quan, đơn vị.

Chương II

NỘI DUNG QUY TẮC ỨNG XỬ

Điều 4. Nguyên tắc ứng xử chung

Mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang và người lao động phải nâng cao ý thức trách nhiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định, quy tắc ứng xử khi sử dụng mạng xã hội; thường xuyên rèn luyện kỹ năng tiếp nhận thông tin, phân tích, đánh giá được độ tin cậy của thông tin trên mạng xã hội; gương mẫu trong việc sử dụng mạng xã hội, góp

phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân, tổ chức, địa phương, đơn vị, cộng đồng, đất nước và dân tộc.

Mỗi người dân cần sử dụng mạng xã hội một cách hiệu quả, thiết thực và lành mạnh. Khi nhận thông tin từ internet, mạng xã hội cần có sự phân tích, đánh giá độ tin cậy của thông tin, từ đó cân nhắc việc tiếp nhận, chia sẻ hoặc tham gia bình luận.

Điều 5. Trách nhiệm và những điều nên làm khi sử dụng mạng xã hội

1. Trách nhiệm khi sử dụng mạng xã hội:

- a) Có ý thức và biện pháp bảo mật tài khoản mạng xã hội và thông tin cá nhân.
- b) Cân trọng khi tiếp nhận thông tin từ internet, mạng xã hội chưa được kiểm chứng (tin đồn, thông tin không có nguồn tin cậy)
- c) Xác định tính chính danh, độ uy tín, tin cậy của tài khoản mạng xã hội và nội dung đăng tải trước khi thực hiện hành động chia sẻ, phát ngôn, bình luận trên các trang mạng xã hội.

2. Những điều nên làm khi sử dụng mạng xã hội:

- a) Có tư duy phản biện, thẩm định, đánh giá, phân tích, đối chiếu khi tiếp nhận thông tin.
- b) Chủ động sử dụng tài khoản mạng xã hội của cá nhân mình để tương tác, chia sẻ, đăng tải, cung cấp, định hướng thông tin có ích cho xã hội và đất nước.
- c) Đăng tải bình luận, ý kiến nhận xét đúng mực, có văn hóa, có trách nhiệm và có tính xây dựng về những vấn đề mà dư luận xã hội quan tâm.
- d) Tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân nơi công tác, cư trú hiểu rõ và thực hiện quy tắc ứng xử này.
- e) Chủ động đấu tranh phản bác và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện những trường hợp vi phạm Điều 6 của quy tắc này.

Điều 6. Tuân thủ các quy định của Luật An ninh mạng về những hành vi bị cấm khi sử dụng mạng xã hội và quy định của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng

1. Những hành vi sử dụng mạng xã hội vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bao gồm:

- a) Đăng tải, phát tán thông tin có nội dung:



- Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng;
- Làm nhục, vu khống;
- Xâm phạm trật tự quản lý kinh tế;

b) Các hành vi gián điệp mạng; xâm phạm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên không gian mạng;

c) Chiếm đoạt tài sản; tổ chức đánh bạc, đánh bạc qua mạng Internet; vi phạm bản quyền và sở hữu trí tuệ trên không gian mạng;

d) Giả mạo trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội của cơ quan, tổ chức, cá nhân; làm giả, lưu hành, trộm cắp, mua bán, thu thập, trao đổi trái phép thông tin thẻ tín dụng, tài khoản ngân hàng của người khác;

đ) Tuyên truyền, quảng cáo, mua bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật;

e) Hướng dẫn người khác thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

g) Hành vi khác sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

2. Hành vi sử dụng mạng xã hội để tổ chức, hoạt động, cấu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

3. Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc;

4. Thông tin sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

5. Hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy, tội ác; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng;

6. Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội.

Điều 7. Đối với cơ quan, địa phương, đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp

Ngoài những nội dung tại các điều 4, 5, 6 của Quy tắc này, mỗi cơ quan, địa phương, đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp thực hiện những nội dung sau:

1. Chấp hành và thường xuyên tổ chức tuyên truyền, giáo dục, tập huấn, bồi dưỡng những quy định của pháp luật về an ninh mạng và quy định của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội; trang bị kỹ năng tiếp nhận thông tin, phân tích, đánh giá được tính chính xác, độ tin cậy của thông tin trên truyền thông xã hội; nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi công dân trong việc sử dụng mạng xã hội hiệu quả, thiết thực và lành mạnh, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức và cá nhân, cộng đồng và dân tộc.

2. Tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang người lao động và nhân dân đề cao ý thức trách nhiệm khi tham gia mạng xã hội; quan tâm, chia sẻ nhằm lan tỏa trên mạng xã hội những thông tin tích cực, tấm gương người tốt việc tốt; chủ động đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, các thông tin sai sự thật, xấu, độc.

3. Có biện pháp nắm chắc diễn biến hoạt động của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang, người lao động của đơn vị, địa phương mình trên mạng xã hội, đặc biệt là đối với những trường hợp đăng tải, chia sẻ, bình luận các thông tin chưa kiểm chứng, thông tin đi ngược đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có biện pháp giáo dục, uốn nắn, xử lý kịp thời đối với những trường hợp vi phạm.

4. Có biện pháp quản lý chặt chẽ hình ảnh, tác phong, phát ngôn của cán bộ trong công vụ và đời sống; các thông tin về cơ quan, đơn vị khi được đưa lên mạng xã hội.

5. Chủ động giám sát và phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc phát hiện, xử lý các tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng.

Điều 8. Đối với đảng viên, đoàn viên, hội viên, cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang, người lao động

Ngoài những nội dung tại các Điều 4, 5, 6 của Quy tắc này, mỗi cá nhân phải thực hiện những nội dung sau:

1. Tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên môi trường mạng; tham gia đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thông tin sai sự thật.

2. Tích cực giới thiệu, quảng bá hình ảnh, lịch sử, địa lý, sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, quận 3 tới bạn bè trong và ngoài nước; tuyên truyền

gương người tốt việc tốt, điển hình tiên tiến, xây dựng quận 3 và Thành phố Hồ Chí Minh văn minh, hiện đại, nghĩa tình.

3. Gương mẫu, chuẩn mực khi phát ngôn trên mạng xã hội.

4. Giữ gìn uy tín, danh dự cho cơ quan, đơn vị, lãnh đạo và đồng nghiệp; không đăng tải, phát tán và cung cấp những thông tin, quan điểm trái ngược hoặc lệch hướng so với quan điểm chung của cơ quan, tổ chức nơi mình làm việc.

5. Đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: Gương mẫu trong lối sống, công tác; giữ gìn và phát huy đoàn kết nội bộ, đạo đức, tác phong, văn hóa trong đơn vị và khi sử dụng mạng xã hội. Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ cơ sở, tích cực lắng nghe và tiếp thu ý kiến đúng đắn của công chức, viên chức và người lao động khi sử dụng mạng xã hội.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Người đứng đầu cấp ủy, các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp quận 3 có trách nhiệm tổ chức quán triệt nghiêm túc Quy tắc ứng xử này cho toàn đảng viên, đoàn viên, hội viên, cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang và người lao động và đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện; đưa tiêu chí thực hiện Quy tắc ứng xử vào hoạt động đánh giá, xếp loại hàng năm.

2. Khi công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang và người lao động vi phạm pháp luật về an ninh mạng và quy tắc ứng xử này khi thực hiện nhiệm vụ hoặc gây ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, đơn vị thì người đứng đầu của cơ quan, đơn vị sẽ liên đới chịu trách nhiệm theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Ban Tuyên giáo, Ủy ban Kiểm tra, Phòng Nội vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc việc cụ thể hóa và thực hiện Quy tắc ứng xử này.

Điều 10. Khen thưởng, kỷ luật

1. Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, chiến sỹ lực lượng vũ trang và người lao động thực hiện tốt Quy tắc ứng xử này được xem xét, biểu dương, khen thưởng theo quy định¹.

2. Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, chiến sỹ lực lượng vũ trang và người lao động vi phạm tại các quy định tại Quy tắc ứng xử này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật và quy định của Đảng, của tổ chức, cơ quan, đơn vị².

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Quy tắc ứng xử này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Những nội dung đã được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật hoặc quy định của Đảng, của tổ chức, cơ quan, đơn vị mà không có trong Quy tắc ứng xử này thì thực hiện theo quy định của các văn bản đó.

¹ Các căn cứ:

- Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14 ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020;

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14 ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020;

- Hướng dẫn của Ban Tổ chức Thành ủy về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý (ban hành hằng năm).

² Các căn cứ:

- Quy định số 47-QĐ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2011 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về những điều đảng viên không được làm;

- Quy định số 102-QĐ/TW ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm;

- Luật số 24/2018/QH14 về An ninh mạng, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019;

- Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018;

- Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

